

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. V, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 727/2021/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông Nguyễn A, sinh năm 1962

Hộ khẩu thường trú: đường M, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ hiện nay: đường G, Phường K, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1969.

Hộ khẩu thường trú: đường M, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ hiện nay: đường Q, Phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn A và bà Lê Thị B thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông A và bà B xác nhận có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn C, sinh ngày 16-5-1992; cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 08-10-1994 và cháu Nguyễn Đức X, sinh ngày 26-4-2003. Cháu C, cháu D và cháu X đã đủ tuổi trưởng thành nên ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xem xét.

[5]. Về Lệ phí Tòa án: Ông A và bà B mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn A và bà Lê Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông A và bà B có 03 con chung là cháu Nguyễn C, sinh ngày 16-5-1992; cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 08-10-1994 và cháu Nguyễn Đức X, sinh ngày 26-4-2003. Cháu C, cháu D và X đã đủ tuổi trưởng thành nên ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông A và bà B mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001344 và Biên lai thu tiền số 0001345 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Như vậy, ông A và bà B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục A thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- TAND tỉnh BR-VT;
- UBND phường Q, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê